

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.3	Chủ đầu tư: Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần.
E-ĐKC 1.5	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Xã Vĩnh Hảo, Tỉnh Lâm Đồng.
E-ĐKC 1.11	Nhà thầu: _____ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: 1. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 2. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu; 3. Hồ sơ mời thầu; 4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần. - Địa chỉ: Số 1228 Độc Lập, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. - Điện thoại: 0254 392 4436. - Fax: 0254 392 4437.
E-ĐKC 5.2	Nội dung yêu cầu đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng: 1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, Bên B phải nộp cho Bên A một Bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 5% giá trị của hợp đồng. 2. Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên B có thể chọn một trong các hình thức sau: nộp tiền mặt trực tiếp tại văn phòng Bên A, chuyển khoản hoặc dưới hình thức Thư bảo lãnh của Ngân hàng (phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang) và phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A về việc thực hiện bảo đảm thực hiện Hợp đồng này. 3. Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả công việc của Hợp đồng. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. 4. Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị nêu trên và có hiệu lực phù hợp, nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trước 07 ngày lịch tính đến ngày hết hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng mà Chủ đầu tư không nhận được văn bản gia hạn thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu 100% số tiền Bảo đảm thực hiện hợp đồng nói trên của Nhà thầu. 5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên

	<p>B không hoàn thành nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Trong trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng được sử dụng để bồi thường thì thực hiện bồi thường theo thiệt hại thực tế.</p> <p>6. Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên B từ chối thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; - Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; - Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của Bên B nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; - Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; <p><i>(Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh).</i></p>
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trường hợp Bên B nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thì Bên A hoàn trả số tiền nêu trên bằng chuyển khoản cho Bên B cùng với thời gian thanh toán đợt cuối cùng của hợp đồng.
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 6.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20% giá hợp đồng.
E-ĐKC 6.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ [<i>ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)</i>].
E-ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
E-ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 11	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 12.1	Tạm ứng: Không áp dụng.
E-ĐKC 13.1	<p>Phương thức thanh toán: Bên A sẽ thanh toán chuyển khoản cho Bên B giá trị theo từng đợt nghiệm thu trong vòng 60 ngày lịch kể từ ngày nhận đủ các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biên bản xác nhận khối lượng thực tế đối với từng đợt thực hiện (bản gốc). + Biên bản nghiệm thu và quyết toán giá trị hoàn thành công việc đối với từng đợt thực hiện (bản gốc). + Giấy đề nghị thanh toán (bản gốc). + Hoá đơn GTGT theo quy định. <p>Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.</p>
E-ĐKC 13.2	Giảm trừ thanh toán: không áp dụng.
E-ĐKC 15	<p>1. <i>Phạt vi phạm thời hạn thực hiện hợp đồng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì bất kỳ lý do gì (ngoại trừ nguyên nhân bất khả kháng), Bên B thực hiện công việc không đúng thời hạn theo quy định tại

	<p>Điều 7 thì Bên B bị phạt 0,5% giá trị phần hợp đồng vi phạm cho mỗi ngày chậm trễ; tổng số các lần phạt không quá 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm (<i>trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác</i>).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu sau 03 ngày lịch kể từ ngày đến hạn thực hiện công việc/hoàn thành công việc quy định mà Bên B vẫn không thực hiện/không hoàn tất công việc theo thời gian quy định tại Điều 7, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với Bên B và trong trường hợp này, Bên B bị phạt 8% giá trị phần hợp đồng bị chấm dứt (<i>trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác</i>). - Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Bên A, Bên B bị phạt 8% giá trị công việc không thể/không kịp thời khắc phục sai sót và thanh toán 100% chi phí cần thiết để khắc phục (bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí vật tư, nhân công, thuê bên thứ 3 hoặc do chính Bên A thực hiện). <p>2. <i>Phạt vi phạm chất lượng dịch vụ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Bên B không hoàn thành hạng mục công việc hoặc chất lượng công việc không đạt yêu cầu nêu ở Điều 1 thì Bên A có quyền thực hiện một trong các cách thức sau (<i>trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác</i>): + Yêu cầu Bên B làm lại công việc cho đủ số lượng, đạt chất lượng mà không được tính thêm chi phí, việc thực hiện lại công việc đúng chất lượng phải đảm bảo trong thời hạn quy định tại Điều 7 của hợp đồng. Trường hợp công việc làm lại đạt chất lượng nhưng quá thời hạn nêu tại Điều 7 của hợp đồng thì sẽ xử lý như quy định tại Khoản 1 Điều này. + Yêu cầu Bên B làm lại công việc cho đủ số lượng, đạt chất lượng mà không được tính thêm chi phí. Trường hợp công việc làm lại vẫn không đáp ứng yêu cầu theo Điều 1 thì Bên A có quyền tự tổ chức thực hiện hoặc thuê Bên thứ ba thực hiện. Trong trường hợp này, Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan và chịu phạt 8% giá trị phần dịch vụ không đạt chất lượng. Trong trường hợp Bên B từ chối trách nhiệm hợp đồng thì Bên A có quyền tuyên bố chấm dứt hợp đồng và phạt Bên B 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm và bồi thường toàn bộ thiệt hại (nếu có), đồng thời, Bên B phải chịu các chi phí cho việc Bên A tự tổ chức thực hiện hoặc thuê đơn vị khác khắc phục các vi phạm nêu trên. <p>3. <i>Phạt vi phạm nội quy, quy định:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp nhân sự của Bên B vi phạm nội quy, quy định về an toàn lao động, bảo hộ lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường và các quy định nội bộ khác của Bên A và của đơn vị quản lý thiết bị, công trình tại địa điểm thực hiện công việc, vi phạm việc chấp hành sự điều động, chỉ huy, giám sát công việc của Bên A thì Bên B sẽ bị lập biên bản vi phạm và bị phạt 5.000.000 VND/ mỗi trường hợp vi phạm (mỗi nhân sự không vi phạm vượt quá 1 lần và tổng số lần vi phạm của Bên B không được vượt quá 3 lần).
--	---

	<p>- Trường hợp Bên B vi phạm vượt quá quy định thì Bên A có quyền xem xét yêu cầu nhân sự của Bên B ngừng thực hiện công việc và Bên B bị phạt 8% giá trị phần công việc vi phạm (<i>trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác</i>).</p> <p>4. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC. Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Bên A, Bên B có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.</p> <p>5. Bên nào đơn phương chấm dứt thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng (trừ lý do bất khả kháng và điều kiện Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều này) thì phải chịu phạt 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm, thực hiện bồi thường theo quy định của hợp đồng.</p> <p>6. Trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng (nếu có) theo quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều này thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản trước ít nhất 02 ngày làm việc.</p> <p>7. Ngoài việc phạt vi phạm theo các trường hợp quy định tại Điều này, Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 8 Điều này.</p> <p><u>Ghi chú:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị hợp đồng làm căn cứ để tính phạt vi phạm hợp đồng là giá chưa bao gồm thuế GTGT. - Nếu việc thực hiện lại công việc nêu tại khoản 2 Điều này làm chậm tiến độ hoàn thành công việc so với thời hạn do Bên A yêu cầu thì Bên B vẫn phải chịu phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này. - Bên A có quyền cản trừ giá trị phạt vi phạm hợp đồng và giá trị bồi thường (nếu có) trong bất kỳ hợp đồng, đơn đặt hàng hoặc nghĩa vụ tài chính mà Bên A phải thanh toán cho Bên B. Trong trường hợp giá trị cản trừ lớn hơn giá trị hợp đồng, đơn đặt hàng hoặc nghĩa vụ tài chính mà Bên A phải thanh toán cho Bên B thì Bên B vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện thanh toán giá trị cản trừ thực tế. <p>8. Bồi thường thiệt hại: Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục E-ĐKC 16 của hợp đồng, nếu Bên B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hợp đồng thì ngoài việc bị phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại Mục này của hợp đồng Bên B còn phải bồi thường thiệt hại cho Bên A, bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà Bên A phải chịu do Bên B vi phạm hợp đồng gây ra và khoản lợi mà Bên A đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm mà bên vi phạm hợp đồng gây ra.</p>
<p>E-ĐKC 17.1 (c)</p>	<p>Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng:</p> <p>1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung hạng mục công việc/hạng mục hàng hóa cần thiết ngoài phạm vi công việc/hạng hóa quy định trong hợp đồng.

	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng. - Các trường hợp khác do các bên thỏa thuận. <p>2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết hợp đồng sửa đổi bổ sung.</p>
E-ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác: Không có.
E-ĐKC 20.1	<p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Nhà thầu thực hiện công việc theo yêu cầu của E-HSMT này đảm bảo chất lượng thực hiện dịch vụ và các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: Trong vòng tối đa 03 ngày lịch hoặc theo yêu cầu công việc cụ thể.</p>
E-ĐKC 21.2	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 22.2	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày. - Giải quyết tranh chấp: <ul style="list-style-type: none"> + Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. + Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì việc giải quyết tranh chấp sẽ được thực hiện thông qua Toà án có thẩm quyền tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có) ...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Gói thầu: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

Thuộc dự án: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư; [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

- Các căn cứ khác (nếu có). [Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____; [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*) [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [*Chủ đầu tư kê khai*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là cung cấp dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;
7. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu (nếu có);
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

- Bên A tiến hành các thủ tục ra vào cổng cho người của bên B (theo danh sách do bên B cung cấp).
- Bên A hướng dẫn, phổ biến an toàn điện, an toàn thủy cơ nhiệt hóa, an toàn vệ sinh lao động, nội quy, quy định tại công trường cho nhân sự Bên B (theo danh sách Bên B cung cấp) trước khi thực hiện công việc.
- Bên A sắp xếp cho Bên B địa điểm tập kết vật tư/thiết bị và Bên B tự chịu trách nhiệm về việc che chắn, bảo quản vật tư, thiết bị của mình.
- Bên A bàn giao khu vực thi công cho Bên B.
- Bên A hỗ trợ cung cấp nguồn điện và nước phục vụ cho Bên B thi công tại công trình (nếu có).
- Bên A cử đại diện có đủ thẩm quyền để giám sát kỹ thuật quá trình thi công, nghiệm thu, và giải quyết những phát sinh, vướng mắc (nếu có) xảy ra khi được thông báo.
- Bên A tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán cho Bên B kịp thời đúng quy định hiện hành.
- Bên A có quyền từ chối nghiệm thu và thanh toán nếu Bên B không thực hiện đúng nội dung được duyệt/được hai Bên thỏa thuận hoặc không thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng.

- Trong quá trình thực hiện dịch vụ, nếu Bên B không đảm bảo tiến độ, chất lượng công việc theo yêu cầu mà không khắc phục kịp thời thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và sẽ giao cho đơn vị khác đảm nhiệm để đảm bảo hoàn thành công việc đúng tiến độ và chất lượng theo quy định, các chi phí phát sinh liên quan đến việc ngừng thực hiện công việc của Bên B trong thời gian này do Bên B tự chi trả.
- Bên A thanh toán đúng hạn cho Bên B. Nếu quá thời hạn nêu ở ĐKC 13.1 mà Bên A chậm chuyển trả thì Bên A sẽ chịu phạt trả lãi trên những ngày chậm trả thực tế theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Phú Mỹ tại thời điểm thanh toán.
- Bên A thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Bên B thông báo bằng văn bản cho Bên A về danh sách người, hình ảnh và số CCCD người ra vào cổng, phương tiện và thiết bị mang vào công trường trước 03 ngày làm việc để đăng ký giấy phép ra vào cổng.
- Bên B hoàn thành công việc theo đúng yêu cầu và tiến độ trong hợp đồng. Trong quá trình triển khai thực hiện, Bên B phải điều động số lượng nhân sự, thiết bị, vật tư kịp thời và làm thêm giờ để đảm bảo tiến độ của Bên A khi thực hiện.
- Đối với khối lượng công việc phát sinh khác ngoài phạm vi theo E-HSMT, Bên B cam kết sẽ huy động nhân sự, cung ứng vật tư, thiết bị, dụng cụ trong vòng 04 giờ để thực hiện công việc.
- Bên B nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định về an toàn, các nội quy, quy định tại nơi làm việc của Bên A.
- Bên B chuẩn bị các trang thiết bị, máy móc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và tổ chức thực hiện công việc đảm bảo an toàn tuyệt đối, đúng tiến độ, không ảnh hưởng đến các công trình hiện hữu khác, nếu xảy ra các vấn đề trong quá trình thực hiện công việc gây ảnh hưởng thì bên B phải thông báo ngay cho giám sát Bên A và thực hiện khắc phục mà không tính phát sinh. Trong trường hợp xảy ra các hư hỏng, sự cố do lỗi Bên B không phối hợp đồng bộ, Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm liên quan.
- Bên B xử lý các sự cố (nếu có) trong quá trình thực hiện công việc.
- Khi thực hiện dịch vụ, nhân sự của Bên B bắt buộc phải đảm bảo được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cá nhân, bao gồm: Quần áo bảo hộ lao động theo đồng phục, áo phản quang, mũ bảo hộ (dán logo Công ty), giày bảo hộ, kính bảo hộ (bắt buộc khi làm việc tại công trường), khẩu trang và găng tay làm việc, dây đeo an toàn 2 móc có giảm chấn còn hiệu lực thử nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN 5308:1991 và các nhân sự này phải được mua bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm nghề nghiệp,...theo quy định pháp luật (nếu cần).
- Nhân sự của Bên B khi ra vào làm việc tại địa điểm của Bên A phải mang theo bản

gốc Thẻ An toàn - Vệ sinh lao động, phải chấp hành, tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về an toàn điện, an toàn - vệ sinh lao động, bao gồm nhưng không giới hạn bởi quy định của Luật An toàn, Vệ sinh Lao động, Nghị định số 39/2016/NĐ-CP, Nghị định số 44/2016/NĐ-CP, Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH và các văn bản pháp luật liên quan. Đồng thời, nhân sự của Bên B phải chấp hành, tuân thủ đúng, đầy đủ nội quy lao động, quy định tại nơi làm việc và thực hiện đúng theo hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của Bên A.

- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý trong việc đảm bảo an toàn lao động theo quy định của pháp luật đối với nhân sự của Bên B trong quá trình thực hiện công việc.
- Bên B phải tổ chức kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm yêu cầu người lao động sử dụng đầy đủ, đúng cách phương tiện bảo vệ cá nhân trong suốt thời gian làm việc tại Nhà máy/công trường. Mọi hành vi không trang bị, trang bị không đầy đủ hoặc không sử dụng đúng quy định đều được xem là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ an toàn lao động của Bên B.
- Công tác bảo vệ môi trường:
 - + Kiểm soát phát tán bụi: Bên B phải cam kết các biện pháp chống bụi (che chắn, phun ẩm, xe chuyên dụng kín) trong quá trình vận chuyển và xử lý để không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
 - + Bên B có trách nhiệm bố trí đầy đủ thùng chứa chất thải tại khu vực làm việc, sinh hoạt và tập kết vật tư; tổ chức phân loại, thu gom rác thải tại nguồn theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định, hướng dẫn nội bộ của Bên A đang áp dụng tại từng thời điểm.
 - + Toàn bộ chất thải phát sinh từ hoạt động của Bên B, bao gồm nhưng không giới hạn: chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phải được Bên B thu gom, lưu giữ tạm thời, vận chuyển và xử lý thông qua đơn vị có chức năng, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; việc quản lý, chuyển giao chất thải phải có hồ sơ, chứng từ hợp lệ theo quy định.
 - + Bên B có trách nhiệm áp dụng các biện pháp phòng ngừa nhằm không để phát sinh ô nhiễm môi trường, bao gồm: rò rỉ, tràn đổ, phát tán bụi, mùi, tiếng ồn, nước thải hoặc các tác động tiêu cực khác ảnh hưởng đến môi trường, con người và hoạt động sản xuất của Bên A.
 - + Trường hợp xảy ra sự cố môi trường hoặc vi phạm quy định về bảo vệ môi trường do lỗi của Bên B và/hoặc người lao động của Bên B gây ra, Bên B có trách nhiệm kịp thời khắc phục, chịu toàn bộ chi phí xử lý và bồi thường thiệt hại, đồng thời chịu mọi trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật và các điều khoản của Hợp đồng.
- Trường hợp Bên B không trang bị đầy đủ hoặc người lao động không chấp hành việc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân theo quy định, Bên A có quyền yêu cầu dừng công việc, đình chỉ thi công để khắc phục; mọi chi phí, thiệt hại và hậu quả phát sinh do việc dừng công việc thuộc trách nhiệm của Bên B.

- Bên B có nghĩa vụ chấp hành và tổ chức quán triệt để người lao động của mình thực hiện nghiêm túc toàn bộ các quy định, quy chế và hướng dẫn nội bộ của Bên A đang áp dụng tại từng thời điểm, bao gồm nhưng không giới hạn các quy định, quy trình về an toàn, an ninh, sức khỏe, môi trường như: quy định cấp phiếu công tác/lệnh công tác/giấy phép làm việc, làm việc trên cao, làm việc trong không gian hạn chế và các quy định liên quan khác.
- Bên B có trách nhiệm tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn điện, phòng cháy và chữa cháy, phòng chống cháy nổ; đồng thời chấp hành đầy đủ các quy định, nội quy và mệnh lệnh an toàn do Bên A ban hành trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Bên B phải đảm bảo người lao động của mình được huấn luyện, phổ biến các quy định về phòng cháy chữa cháy (PCCC), nắm rõ phương án PCCC, lối thoát nạn, vị trí tập kết của Nhà máy; bố trí đầy đủ nhân lực tham gia các đợt diễn tập PCCC và cứu nạn, cứu hộ (PCCC & CNCH) do Bên A tổ chức khi có yêu cầu.
- Bên B có trách nhiệm bố trí nhân sự an toàn, vệ sinh lao động (HSE) để thực hiện công tác quản lý, giám sát an toàn, sức khỏe và môi trường trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng. Trường hợp tổng số lao động của Bên B làm việc tại Nhà máy/công trường của Bên A từ 50 người trở lên, Bên B phải bố trí tối thiểu 01 nhân sự HSE chuyên trách có đủ năng lực, kinh nghiệm và được đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành. Nhân sự HSE của Bên B phải có mặt xuyên suốt tại hiện trường, chịu trách nhiệm giám sát việc tuân thủ các quy định và phối hợp với Bên A trong công tác an toàn lao động
- Bên B không được tự ý sử dụng, di chuyển, tháo dỡ, can thiệp hoặc kích hoạt các phương tiện, thiết bị, hệ thống PCCC của Nhà máy để phục vụ mục đích riêng khi chưa được Bên A cho phép, trừ trường hợp cần thiết để ứng phó kịp thời với sự cố khẩn cấp.
- Bên B phải đảm bảo an toàn trong công tác, đồng thời bên B phải chịu trách nhiệm về bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản, thiết bị, máy móc của bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Bên B chịu mọi chi phí vận chuyển, tháo dỡ, lắp đặt thay thế và các chi phí phát sinh (nếu có, thuộc phạm vi công việc của Bên B theo Hợp đồng này) trong quá trình thực hiện dịch vụ.
- Bên B tổ chức kho bãi bảo quản vật tư công trình, bảo quản công trình từ khi khởi công cho đến lúc bàn giao đưa vào sử dụng, địa điểm tập kết vật tư thiết bị phải gần địa điểm thi công để giám sát Bên A thuận tiện kiểm tra. Mọi mất mát, hư hỏng đối với công trình đều phải do Bên B tự sửa chữa, làm lại bằng kinh phí của mình.
- Nếu công trình có ảnh hưởng đến các công trình khác (đường dây thông tin, đèn đường, cấp thoát nước,...) thì Bên B phải thông báo cho các đơn vị quản lý công trình này trước 05 ngày lịch kể từ ngày tiến hành thi công để cùng phối hợp đồng bộ thực hiện. Trong trường hợp xảy ra các hư hỏng, sự cố do không phối hợp đồng

bộ, Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm liên quan.

- Nhân sự của Bên B không được chụp ảnh trong quá trình công tác tại công trường (trừ khi có sự đồng ý của Bên A) và chỉ được sử dụng thuốc lá tại khu vực quy định của Nhà máy, trường hợp vi phạm Bên B sẽ bị phạt theo quy định của hợp đồng.
- Bên B tuân thủ và chấp hành nghiêm túc các yêu cầu của giám sát Bên A, nếu giám sát Bên A phát hiện công tác của Bên B không đạt yêu cầu thì Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc làm hỏng, làm sai và phải làm lại theo đúng yêu cầu về số lượng và chất lượng như trong hợp đồng.
- Bên B phải cử người giám sát, chỉ huy và chịu trách nhiệm chính tại công trình, đồng thời phải thường xuyên có mặt tại công trường trong suốt thời gian làm việc.
- Bên B phải đảm bảo mặt bằng thực hiện công việc gọn gàng, ngăn nắp trong quá trình thực hiện cũng như sau khi kết thúc công việc.
- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc phát sinh phải thông báo cho Bên A bằng văn bản cùng phối hợp giải quyết.
- Bên B không có quyền chuyển nhượng bất kỳ quyền lợi hoặc nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này cho Bên thứ 3 nào khác mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng và ngay cả sau khi đã kết thúc Hợp đồng, khi không có sự cho phép của Bên A, Bên B không được tiết lộ, sử dụng bất kỳ thông tin nào có được trong quá trình giao dịch bằng văn bản, lời nói, tài liệu điện tử hay bất kỳ hình thức nào khác, bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về bí mật kinh doanh, tình hình tài chính, quy định, sản phẩm, công nghệ, nhân sự của Bên A trừ trường hợp đây là các thông tin đã được công bố rộng rãi hoặc buộc cung cấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.

2. Phương thức thanh toán: ____ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT]*.

3. Thuế GTGT ghi ở khoản 1 Điều này khi xuất hóa đơn và thanh toán có thể được điều chỉnh theo Luật thuế GTGT hiện hành.

Điều 6. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 8 E-ĐKC, E-HSĐT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]*.

Điều 8. Nghiệm thu hoàn thành công việc

- Bên A chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành, đáp ứng các yêu cầu về chất lượng theo quy định tại Điều 1.
- Nghiệm thu tổng thể: Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày Bên B thông báo hoàn tất công việc bảo đảm đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo quy định, hai Bên cùng tiến hành lập biên bản nghiệm thu và quyết toán giá trị hoàn thành công việc đối với từng lần thực hiện.
- Trong trường hợp Bên A không đồng ý nghiệm thu công việc thì Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B lý do về việc không đồng ý nghiệm thu nêu trên và Bên B sau khi nhận được thông báo của bên A thì phải tiến hành khắc phục các nội dung chưa đạt mà không được tính chi phí phát sinh và phải chịu phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại E-ĐKC 15.

Điều 9. Sự kiện bất khả kháng

Bất khả kháng là những sự kiện hoặc trường hợp bất thường:

- a) Nằm ngoài khả năng kiểm soát của một bên;
- b) Không thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết hợp đồng;
- c) Đã xảy ra mà một bên không thể tránh được hoặc không khắc phục được một cách hợp lý, và
- d) Thực tế không thể quy cho bên kia.

Điều 10. Hiệu lực của hợp đồng:

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng.
- Hợp đồng kết thúc và xem như đã thanh lý trên cơ sở các Bên hoàn thành trách nhiệm của mình theo quy định trong hợp đồng này.

Điều 11. Các quy định chung:

1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Các vấn đề không được đề cập trong hợp đồng này sẽ được điều chỉnh theo quy định của Pháp luật hiện hành.
2. Mọi vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai Bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần tôn trọng, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau. Mọi thỏa thuận đều phải được thể hiện bằng văn bản.
3. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, sự việc sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử.

Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị như nhau, Bên

A giữ 02 (hai) bản gốc, Bên B giữ 02 (hai) bản gốc.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**
[xác nhận, ký số]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
[xác nhận, ký số]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)*[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]*

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hoàn thành việc cung cấp dịch vụ quy định trong hợp đồng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên nhà thầu*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà
thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.